

Bản án số: 40/2017/HSST
Ngày 6-9-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lợi

2. Bà Phan Thị Ánh Duyên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hải là thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2017/TLST-HS ngày 10/8/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2017/HSST- QĐ ngày 24/8/2017 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ T, sinh năm 1987; nơi ĐKNKTT: Khu 2 Thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa lớp 7/12; con ông : Nguyễn Mạnh Q (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Đ (đã chết); Chồng: Hà Trần H, sinh năm 1984, hiện bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ và 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt và tạm giữ ngày 26/4/2017, chuyển tạm giam ngày 02/05/2017. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú thọ; danh chỉ bản số 139 do Công an huyện C, tỉnh Phú Thọ lập ngày 24/7/2017 (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương Minh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện P , tỉnh Phú thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại bản cáo trạng số 48/KSĐT-MT ngày 09/8/2017 của VKSND huyện C đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự với các tình tiết phạm tội như

sau: Khoảng 8 giờ 20 phút ngày 26/4/2017 tại đoạn đường thuộc khu 2 thị trấn S, huyện C, tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng Công an huyện C và Công an Thị trấn S kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Nguyễn thị T, sinh năm 1987 ở Khu 2 Thị trấn S, huyện C đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Vật chứng thu giữ:

- 03 gói nilon màu trắng, bên trong có chất rắn dạng tinh thể màu trắng được cho vào 01 bì niêm phong dán kín được đánh số “bì số 1”.

- 17 gói giấy đều có mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng bên trong có chất bột cục màu trắng được cho vào 01 bì niêm phong dán kín được đánh số “bì số 2”.

- 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel đã cũ màu đen kèm 02 thẻ sim có IMEI 1: 359389072230281, IMEI 2: 359389072230299.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng đã cũ kèm theo 01 thẻ sim có số IMEI: 353320071923382.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.100.000đ.

- Quá trình khám xét tại chỗ ở của T thu giữ 01 bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá.

Tại kết luận giám định số 902/KLGĐ ngày 27/4/2017 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ kết luận:

- Mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong bì số 1 ở dạng chất rắn dạng tinh thể màu trắng được chứa trong 03 (ba) gói nilon đều màu trắng có tổng khối lượng (trọng lượng) là 0,496gam có Methamphetamine (Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ).

- Mẫu vật gửi đến giám định được niêm phong trong bì số 2 ở dạng chất bột, cục màu trắng được chứa trong 17 (mười bảy) gói giấy đều mặt ngoài màu trắng, mặt trong màu vàng có tổng khối lượng (trọng lượng) là 0,871 gam có Heroine (Heroine là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự:20, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ).

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

Khoảng cuối tháng 02/2017, Nguyễn Thị T lên nhà chị gái là Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1985 ở Thành phố Y chơi, sau đó T đi một mình ra khu vực cầu Y. Tại đây T gặp một người đàn ông tên là H (T không rõ địa chỉ của H) và đã mua của H 02 gói ma túy (01 gói Methamphetamine, 01 gói Heroine) với giá 1.000.000đ. Sau khi mua số ma túy trên của H, T đã mang về nhà ở Thị trấn S, huyện C chia ra thành nhiều gói nhỏ mục đích là để sử dụng cho bản thân và để bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác để kiếm lời. Nên khoảng 16 giờ 00 phút ngày 24/4/2017 có Dương Minh T, sinh năm 1979 ở khu Đ, thị trấn P,

huyện P, tỉnh Phú Thọ đến nhà T để mua ma túy về sử dụng. T đã lấy 01 gói Methamphetamine đã được chia nhỏ để bán cho T với giá 300.000đ. Đến khoảng 08 giờ 20 phút ngày 26/4/2017 khi Nguyễn Thị T đang đứng trước cửa nhà ở khu 2 Thị trấn S, huyện C thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng Công an huyện C và Công an Thị trấn S kiểm tra hành chính. Do biết không thể che dấu hành vi phạm tội của mình nên T đã tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc 03 gói Methamphetamine và 17 gói Heroine giao nộp cho tổ công tác. Do vậy Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành bắt người phạm tội quả tang và tiến hành lập biên bản như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện C giữ nguyên quyết định truy tố và khẳng định bản cáo trạng đã truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu là hoàn toàn đúng. Đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “ Mua bán trái phép chất ma túy.”

Áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46 – BLHS năm 1999

Đề nghị xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T từ 30 - 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt và tạm giữ ngày 26/4/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 điều 41 – BLHS; điểm a,b, đ khoản 2 điều 76 – BLTTHS

- Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T.

- Truy thu của bị cáo số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masster đã cũ màu đen kèm theo 02 thẻ sim, 01 điện thoại Iphone màu vàng đã cũ kèm theo 01 thẻ sim.

- Trả lại cho bị cáo 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy dán kín số 902/KLGD được đánh số “bì số 1” bì niêm phong, mặt sau bì có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ và có 04 chữ ký của giám định viên tư pháp tại vị trí trên mép dán và 01 bì giấy dán kín số 902/KLGD được đánh số “ bì số 2” bì niêm phong, mặt sau bì có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ và có 04 chữ ký của giám định viên tư pháp tại vị trí trên mép dán; 01 bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá.

Về án phí HSST: Áp dụng khoản 1,2 điều 99 - BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Về tổ tụng hình sự: Các quyết định tổ tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, hành vi tổ tụng của điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; quyết định tổ tụng của Viện kiểm sát và hành vi tổ tụng của Kiểm sát viên trong giai đoạn truy tố là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, biên bản phạm pháp quả tang được lập ngày 26/4/2017, vật chứng được thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 26/4/2017 Nguyễn Thị T đang đứng trước cửa nhà ở khu 2 Thị trấn S, huyện C thì bị tổ công tác của Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ phối hợp cùng Công an huyện C và Công an Thị trấn S kiểm tra hành chính. T đã tự giác lấy từ trong túi quần bên phải đang mặc 03 gói Methamphetamine và 17 gói Heroine giao nộp cho tổ công tác. Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành bắt người phạm tội quả tang và tiến hành lập biên bản như đã nêu trên. Quá trình điều tra vụ án Nguyễn Thị T thừa nhận vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 24/4/2017 tại nhà Nguyễn Thị T – Khu 2 Thị trấn S, huyện C, T đã bán cho Dương Minh T ở khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ 01 gói Methamphetamine với giá 300.000đ. Nguồn gốc số ma túy trên T khai mua của một người đàn ông tên H (T không biết địa chỉ cụ thể) tại cầu Y khoảng cuối tháng 02/2017 với giá 1.000.000đ. T mang về nhà chia ra thành nhiều gói nhỏ mục đích là để sử dụng cho bản thân và để bán lại cho các đối tượng nghiện ma túy khác để kiếm lời. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị T đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Khoản 1 điều 194 – BLHS năm 1999 quy định: “Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Quyết định truy tố của VKSND huyện C đối với bị cáo Nguyễn Thị T về tội mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất độc được gây nghiện. Hành vi phạm tội của bị cáo gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện C nói riêng, toàn xã hội nói

chung, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của bản thân, kinh tế, hạnh phúc của mỗi gia đình và toàn xã hội. Do đó vụ án cần được đưa ra xét xử thật nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân: Năm 2007 bị cáo đã bị TAND thành phố Y xử phạt 36 tháng tù về tội : mua bán trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bản thân bị cáo cũng bị nghiện chất ma túy. Chứng tỏ nhân thân của bị cáo là rất xấu. Bị cáo bất chấp pháp luật cố tình thực hiện hành vi phạm tội mục đích để kiếm lời. Do vậy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành người lương thiện. HĐXX chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 – BLHS đó là tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 điều 194 – BLHS quy định: người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng. Xét thấy bị cáo nghề nghiệp không có, không có tài sản riêng, HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Đối với Dương Minh T đã có hành vi mua ma túy của T với mục đích để sử dụng cho bản thân. Bản thân T không có tiền án về tội tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy, chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự nên Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Phú Thọ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T theo quy định tại khoản 1 điều 21 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ với hình thức xử phạt cảnh cáo là đúng, HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án này. Đối với đối tượng tên H, bị cáo khai mua ma túy ở cầu Y do không rõ địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để điều tra xác minh, HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 300.000đ T bán ma túy cho T, cần truy thu sung quỹ nhà nước.
- Trả lại cho bị cáo T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T.

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster đã cũ màu đen kèm theo 02 thẻ sim và 01 chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng đã cũ kèm theo 01 thẻ sim thu giữ của bị cáo xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 1.100.000đ thu giữ của bị cáo được xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu cho tiêu hủy 02 bì niêm phong mẫu vật được hoàn trả và 01 bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá.

[9] Về án phí HSST: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46 – BLHS năm 1999

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 42 (Bốn mươi hai) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt và tạm giữ, ngày 26/4/2017.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị T.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,b khoản 1 điều 41 - BLHS, điểm a,b, đ khoản 2 điều 76 – BLTTHS

- Trả lại cho bị cáo T 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T.

- Truy thu của bị cáo T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster đã cũ màu đen kèm theo 02 thẻ sim; 01 chiếc điện thoại Iphone màu vàng đã cũ kèm theo 01 thẻ sim.

- Trả lại cho bị cáo 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy dán kín số 902/KLGD được đánh số “bì số 1” bì niêm phong, mặt sau bì có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ và có 04 chữ ký của giám định viên tư pháp tại vị trí trên mép dán và 01 bì giấy dán kín số 902/KLGD được đánh số “ bì số 2” bì niêm phong, mặt sau bì có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh Phú Thọ và có 04 chữ ký của giám định viên tư pháp tại vị trí trên mép dán; 01 bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về án phí HSST: Áp dụng khoản 1, 2 điều 99 - BLTTHS; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKSND huyện C
- CA huyện C
- BC, NLQ
- CCTHADS huyện C
- Lưu HS-VP

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lạc